TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIÊT NAM
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L- Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16-7-2021
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Ánh Duyên

2. Ông Vũ Mạnh Cường

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Ông Nguyễn Thế Vinh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Hiển – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm C khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 152/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021, về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1990

Địa chỉ: khu X, xã X, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Hà T, sinh năm 1995

Địa chỉ: khu X, xã X, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 16/4/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Đức C trình bày:

Anh và chị Nguyễn Hà T tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Phú Thọ, ngày 21/11/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã X, huyện C, đến đầu năm 2017 vợ chồng đi làm ăn tại tỉnh Bình Dương. Qúa trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuối năm 2017 anh C về sinh sống tại xã X, huyện C, chị T không về cùng anh C, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, năm 2018 anh C nhiều lần gọi điện thoại bảo chị T về nhưng chị T cương quyết không về, nếu có dịp về thăm gia đình thì chị về nhà bố mẹ đẻ của chị ở xã C, huyện T, không về nhà anh C. Từ giữa năm 2019 đến nay anh không liên lạc và không quan tâm đến chị T nữa. Nay anh xét thất tình cảm vợ chồng của anh với chị T không còn, đời sống chung không thể khắc phục được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T để ổn định cuộc sống.

* Đối với chị Nguyễn Hà T: Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Hà T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Do đó Toà án không ghi được ý kiến của chị T cũng như tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải giữa anh C và chị T.

Để có cơ sở giai quyết vụ án Toà án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng việc lấy lời khai của bố, mẹ đẻ của chị T là ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn Thị M, đều cư trú tại: xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Quá trình làm việc, ông C, bà M đều trình bày: chị Nguyễn Hà T là con gái của ông bà, hiện nay chị đang làm ăn tại tỉnh Bình Dương, gia đình ông vẫn thường xuyên liên lạc với chị T bằng điện thoại nhưng không biết địa chỉ cụ thể của chị T ở đâu của tỉnh Bình Dương vì chưa đến đó bao giờ, chị T cũng không cho biết. Mỗi lần, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, báo chị T đến làm việc thì ông bà đều gọi điện để thông báo cho chị T biết nhưng các lần chị T đều không về được vì bận C việc. Trong khi gọi điên để nói chuyện với chị T về việc anh C xin ly hôn thì chị T nói nhất trí ly hôn; về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, C sức,chị T nói vợ chồng không có gì. Nay anh C xin ly hôn chị T, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng của Tòa án ông xin được nhận thay cho chị T và đã thông báo cho chị T biết.

- Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản; C sức: Anh C trình bày vợ chồng không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu đã trình bày

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp

hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Quá trình làm việc Tòa án báo gọi chị T nhiều lần nhưng các lần chị T đều vắng mặt nên Tòa án không ghi được lời khai của chị T và không tiến hành phiên họp tiếp cận C khai chứng cứ và hòa giải giữa anh C và chị T, gây khó khăn cho việc quyết vụ án. Việc cố tình vắng mặt của chị T tại Tòa án là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị T được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tại phiên tòa lần thứ hai chị T được triệu tập hợp lệ, có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh C các quan hệ về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, C sức, chị không yêu cầu giải quyết. Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Hà T là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147. Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: C nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức C và chị Nguyễn Hà T.

2. Về con chung; tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; C sức: Chị T, anh C đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đức C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Tranh chấp giữa anh Nguyễn Đức C và chị Nguyễn Hà T là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình". Bị đơn là chị Nguyễn Hà T, có nơi cư trú tại xã X, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong suốt quá trình làm việc, chị Nguyễn Hà T mặc dù đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Sau khi Tòa án ra Quyết định

đưa vụ án ra xét xử, chị Nguyễn Hà T vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất không có lý do. Phiên tòa được mở C khai lần hai, chị Nguyễn Hà T được triệu tập hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt, có quan điểm về việc ly hôn thể hiện trong đơn. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Hà T là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Hà T đảm bảo các điều kiện về kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả xác minh tại địa phương, khu dân cư, đại diện Hội phụ nữ nơi vợ chồng anh C, chị T sinh sống cho biết: anh Nguyễn Đức C, chị Nguyễn Hà T có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng với nhau, hiện tại chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng anh chị sống ly thân mỗi người ở một nơi, còn nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể dẫn đến việc ly hôn của anh chị thì địa phương không rõ vì anh chị không yêu cầu chính quyền địa phương và các ban nghành đoàn thể xã Xương Thịnh giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng. Quá trình chung sống với nhau, anh C, chị T chưa có con chung. Nay anh C xin ly hôn chị T, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Nguyễn Đức C giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn chị Nguyễn Hà T. Chị Nguyễn Hà T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Toà án làm việc nhưng chị có đơn xin xét xử vắng mặt và đã có quan điểm trình bày trong đơn: chị nhất trí ly hôn như yêu cầu của anh C, về con chung, nghĩa vụ chung về tài sản, C nợ, C sức, chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh C xin ly hôn, chị T nhất trí là có căn cứ chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh C và chị T.

[2.2]. Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, C sức: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Đức C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147; Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: C nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức C và chị Nguyễn Hà T.

[2]. Về án phí: Anh Nguyễn Đức C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003901 ngày 16/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Anh Nguyễn Đức C đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3]. Anh Nguyễn Đức C có mặt được quyền kháng cáo trọng thời hạn 15 ngày để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh xét xử phúc thẩm, chị Nguyễn Hà T, vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho chị T hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đỗ Thị Thảo

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn anh C có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn chị T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hợp lệ hoặc được niêm yết.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thảo

Biên bản nghị án kết thúc hồi giờ phút cùng ngày. Đã thông qua cho các thành viên Hội đồng xét xử, nhất trí cùng ký tên.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA